

KẾ HOẠCH

Tổ chức thực hiện điều tra rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thực hiện Công văn số 2338/BNN-KL ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều tra xác định hiện trạng rừng và Công văn số 3901/BNN-KL ngày 31/5/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức điều tra xác định hiện trạng rừng; theo đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện điều tra rừng theo quy định tại Điều 33 Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Để kịp thời triển khai các nội dung liên quan đến công tác điều tra rừng (xác định diện tích rừng, trữ lượng rừng và trữ lượng các-bon rừng); đồng thời, kết quả xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh là cơ sở thực tiễn để tổng hợp, xây dựng và triển khai các nội dung định khung giá rừng theo quy định mới tại Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương pháp định giá rừng, hướng dẫn định khung giá rừng (có hiệu lực từ ngày 01/7/2024). UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện điều tra rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” và tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng;

- Đánh giá được diện tích rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng) và đất quy hoạch lâm nghiệp; trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon rừng của từng loại rừng.

- Đánh giá tình trạng quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và diện tích rừng tự nhiên ngoài quy hoạch 3 loại rừng; diện tích rừng tự nhiên hiện còn phân bố manh mún, xen kẽ trong các dự án chuyển đổi rừng nghèo kiệt trước đây góp phần sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Làm cơ sở thực tiễn để tổng hợp, xây dựng và triển khai các nội dung định

khung giá rừng theo quy định mới tại Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Làm căn cứ đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, các hoạt động quản lý rừng bền vững và phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

- Kết quả điều tra rừng là cơ sở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng năm 2025 và công bố kết quả điều tra rừng theo quy định.

2. Yêu cầu

- Thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng theo quy định tại Điều 33 Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng, Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.

- Số liệu điều tra hiện trạng rừng phải khách quan, minh bạch, phản ánh đúng tiêu chí rừng theo quy định, vị trí, diện tích rừng phù hợp giữa kết quả điều tra và ngoài thực địa.

- Công tác điều tra xác định hiện trạng rừng phải hoàn thành đúng tiến độ, có chất lượng và hiệu quả.

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện công tác điều tra ở địa phương; phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia thực hiện điều tra.

- Kết quả điều tra rừng bao gồm hệ thống bản đồ, số liệu điều tra rừng theo quy định; báo cáo kết quả điều tra rừng, đánh giá biến động về rừng và diện tích quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Lâm nghiệp năm 2017 (Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14);

- Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” và tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng;

- Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn



biển rừng;

- Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

- Công văn số 2338/BNN-KL ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về điều tra xác định hiện trạng rừng;

- Công văn số 3901/BNN-KL ngày 31/5/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổ chức điều tra xác định hiện trạng rừng;

- Công văn số 2647/UBND-KT 04/7/2024 của UBND tỉnh về việc tổ chức điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu thực hiện

- Bản đồ và số liệu đối với nội dung lâm nghiệp trong Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023;

- Bản đồ và số liệu hiện trạng kết quả theo dõi diễn biến rừng hàng năm và ranh giới giao đất, giao rừng, cho thuê rừng cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh;

- Bản đồ, tài liệu về ranh giới, địa giới hành chính mới có hiệu lực sử dụng;

- Bản đồ, số liệu thống kê đất đai hàng năm và bản đồ, số liệu kiểm kê đất đai năm gần nhất được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Các tài liệu, bản đồ khác có liên quan nếu có.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐIỀU TRA XÁC ĐỊNH HIỆN TRẠNG RỪNG

1. Phạm vi

- Toàn bộ diện tích đất có rừng và đất chưa có rừng trong ranh giới đất phân bổ cho nội dung lâm nghiệp tích hợp trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*sau đây viết tắt là Quy hoạch tỉnh*).

- Rừng ngoài lâm nghiệp, bao gồm:

+ Rừng tự nhiên ngoài ranh giới đất phân bổ cho nội dung lâm nghiệp tích hợp trong Quy hoạch tỉnh nhưng phải được đưa vào quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Luật Lâm nghiệp.

+ Rừng trồng ngoài ranh giới đất phân bổ cho nội dung lâm nghiệp tích hợp trong Quy hoạch tỉnh nhưng đang được thực hiện theo quy chế quản lý rừng tương ứng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

+ Rừng trồng trên các loại đất khác không phải lâm nghiệp nhưng được quy hoạch để trồng rừng, như: diện tích đã trồng rừng bán ngập, rừng trồng thay thế.

2. Đối tượng

Điều tra, xác định về diện tích rừng, ranh giới rừng, trữ lượng rừng và trữ lượng các – bon rừng đối với toàn bộ diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trong quy hoạch lâm nghiệp và rừng tự nhiên ngoài quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Công tác điều tra được tiến hành đồng loạt trên địa bàn toàn tỉnh; trong đó, cấp xã là đơn vị cơ bản để tiến hành điều tra xác định diện tích rừng, trữ lượng rừng. Kết quả điều tra của cấp xã là cơ sở để tổng hợp số liệu và xây dựng bản đồ hiện trạng rừng của cấp huyện và cả tỉnh.

III. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Điều tra diện tích rừng

1.1. Nội dung thực hiện

- a) Điều tra diện tích rừng tự nhiên nguyên sinh, rừng tự nhiên thứ sinh;
- b) Điều tra diện tích rừng tự nhiên theo loại rừng, điều kiện lập địa;
- c) Điều tra diện tích rừng trồng theo loài cây, cấp tuổi;
- d) Điều tra diện tích khoanh nuôi tái sinh, diện tích mới trồng chưa thành rừng, diện tích khác đang được sử dụng để bảo vệ phát triển rừng;
- đ) Điều tra diện tích các trạng thái rừng theo chủ rừng và theo đơn vị hành chính.

1.2. Phương pháp thực hiện

- a) Điều tra diện tích rừng được thực hiện theo lô trạng thái rừng;
- b) Giải đoán ảnh viễn thám; xây dựng bản đồ giải đoán hiện trạng rừng bằng phần mềm chuyên dụng; Trường hợp, ảnh viễn thám không đảm bảo hoặc các khu vực thiếu ảnh thì cần có phương án thay thế (bay chụp, điều tra mặt đất bổ sung...);
- c) Điều tra bổ sung hiện trạng các lô trạng thái rừng ngoài thực địa;
- d) Biên tập, hoàn thiện bản đồ hiện trạng rừng và tính toán diện tích các lô trạng thái rừng bằng các phần mềm chuyên dụng.

2. Điều tra trữ lượng rừng

2.1. Nội dung thực hiện

- a) Điều tra trữ lượng gỗ của rừng tự nhiên và rừng trồng;
- b) Điều tra trữ lượng tre nứa của rừng tự nhiên và rừng trồng;
- c) Điều tra trữ lượng gỗ và trữ lượng tre nứa của rừng hỗn giao gỗ - tre nứa.

2.2. Phương pháp thực hiện

- a) Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí ngẫu nhiên hoặc hệ thống, diện tích 1.000 m², đối với những trạng thái rừng tự nhiên có diện tích lớn hơn 2.000 ha;
- b) Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí điển hình, diện tích từ 500 m² đến 1.000 m², đối với những trạng thái rừng tự nhiên có diện tích nhỏ hơn 2.000 ha; tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra từ 0,01% đến 0,1%;
- c) Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí điển hình theo từng trạng thái rừng (loài cây,



cấp tuổi), diện tích từ 100 m² đến 500 m² đối với rừng trồng; tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra từ 0,01% đến 0,05%;

d) Điều tra cây gỗ và cây tre nứa bao gồm: xác định tên loài cây, phẩm chất cây, đo chiều cao vút ngọn, đường kính thân tại vị trí 1,3 m;

đ) Sử dụng các thiết bị điều tra nhanh trữ lượng rừng;

e) Sử dụng biểu trữ lượng, sản lượng lập sẵn để tra cứu;

f) Sử dụng các phần mềm chuyên dụng để xử lý, phương pháp thống kê toán học tính toán trữ lượng rừng.

3. Tính toán trữ lượng các-bon rừng

Trữ lượng cac-bon trong sinh khối rừng được tính cho từng kiểu rừng theo phương pháp gián tiếp được tính theo công thức sau:

$$C = (V \times BCEF) \times (1 + R) \times CF$$

Trong đó:

- C là trữ lượng cac-bon (Mg).

- V : Trữ lượng gỗ (m³).

- $BCEF$ là hệ số chuyển đổi và mở rộng thể tích thân thành sinh khối trên mặt đất (Mg/m³).

- R tỷ số sinh khối dưới mặt đất so với sinh khối trên mặt đất (không thứ nguyên).

- CF là tỷ lệ cac-bon của sinh khối rừng trên mặt đất hệ số cac-bon, thường mặc định $CF = 0,47$.

4. Đánh giá tình trạng quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và diện tích rừng tự nhiên ngoài quy hoạch 3 loại rừng; diện tích rừng tự nhiên hiện còn phân bố manh mún, xen kẽ trong các dự án chuyển đổi rừng nghèo kiệt trước đây góp phần sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Căn cứ kết quả điều tra, kiểm kê rừng của năm gần nhất; báo cáo kết quả hàng năm của các đơn vị chủ rừng, của UBND các xã, huyện, thị xã về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng. Sử dụng phương pháp thu thập các loại tài liệu, bản đồ thứ cấp; chồng xếp bản đồ hiện trạng rừng các thời kỳ; điều tra hiện trường để thực hiện.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN: Năm 2024-2025.

Theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 2338/BNN-KL ngày 01/4/2024, thì các địa phương thực hiện và công bố kết quả điều tra rừng vào năm 2024. Tuy nhiên, việc điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn toàn tỉnh có phạm vi rộng nên mất nhiều thời gian. Mặt khác, việc xây dựng đề cương nhiệm vụ, dự toán kinh phí và các hồ sơ liên quan đến phân bổ kinh phí, đấu thầu hoặc thuê chuyên gia thực hiện nhiệm vụ, phê duyệt kết quả... phải thực

hiện theo đúng trình tự, thủ tục nên cần có đủ thời gian để triển khai thực hiện. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh có văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tổ chức thực hiện và xem xét cho chủ trương thực hiện hoàn thành trước thời gian quy định công bố hiện trạng rừng cấp tỉnh năm 2025.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự toán kinh phí

a) Căn cứ để lập khái toán

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng.

- Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Bình Phước năm 2023.

2. Nguồn kinh phí

Ngân sách tỉnh năm 2024-2025 (theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2338/BNN-KL ngày 01/4/2024); trong đó:

- Năm 2024: Đề xuất nguồn kinh phí, theo Công văn số 2569/STC-HCSN ngày 04/8/2023 của Sở Tài chính về việc kinh phí thực hiện Dự án điều tra, đánh giá hiện trạng rừng tự nhiên ngoài 03 loại rừng để đưa vào quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Bình Phước và Biên bản ngày 12/3/2024 giữa Sở Tài chính với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Lý do, nhiệm vụ được giao đã đưa vào kế hoạch này, nhằm đồng bộ nội dung công việc theo chỉ đạo.

- Năm 2025: Giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí trong kế hoạch chi ngân sách theo đúng quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị và địa phương liên quan: Thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Đề cương kỹ thuật chi tiết và tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương và chủ rừng tổ chức thực hiện; có kế hoạch cụ thể để triển khai hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, đồng thời trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả điều tra rừng trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm cập nhật kết quả điều tra rừng vào cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng sau khi được phê duyệt; tham mưu công bố hiện trạng rừng trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định dự toán kinh phí chi tiết trình UBND tỉnh phê duyệt và tham mưu bố trí kinh phí trong dự toán kinh phí năm để thực hiện theo đúng quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Cung cấp các hồ sơ, tài liệu, bản đồ về ranh

giới hành chính, kết quả kiểm kê đất đai gần nhất, thống kê đất đai hàng năm; trích lục bản đồ giao đất, cho thuê đất rừng của các tổ chức và các loại bản đồ liên quan mới nhất để cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Sở Nội vụ: Cung cấp các hồ sơ, tài liệu, bản đồ về ranh giới hành chính mới nhất theo Quyết định số 18/QĐ-BVN ngày 03/01/2020 của Bộ Nội vụ về việc công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp của tỉnh Bình Phước đã được hoàn thiện, hiện đại hóa theo quy định tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Sở Giao thông vận tải và Sở Kế hoạch và Đầu tư: Rà soát cung cấp danh mục các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và dự kiến giai đoạn 2026-2030 có liên quan đến diện tích đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh.

6. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Phối hợp với các đơn vị tổ chức điều tra rừng tại các khu vực biên giới.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Chỉ đạo, lập kế hoạch cụ thể thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng tại địa phương phù hợp nội dung, tiến độ thực hiện theo Kế hoạch này.

8. Các đơn vị chủ rừng là tổ chức trên địa bàn tỉnh: Chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện kế hoạch điều tra rừng trên diện tích quản lý của đơn vị.

Các cơ quan, địa phương, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng thời gian, yêu cầu của Kế hoạch này.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị chủ rừng và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo kịp thời giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (B/c);
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành có liên quan;
- UBND các huyện, thị xã có rừng;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Các đơn vị chủ rừng;
- LĐVP, các Phòng: KT;
- Lưu: VT (Th kh 11-024).



 CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH
 Huỳnh Anh Minh